



VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 329 /TB-VPCP

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2026

THÔNG BÁO

Kết luận Phiên họp chuyên đề của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 về thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

Ngày 23 tháng 6 năm 2026, tại Trụ sở Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hùng, Trưởng Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo) chủ trì Phiên họp chuyên đề của Ban Chỉ đạo (sau đây gọi tắt là Phiên họp), cùng tham dự có Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Gia Túc, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo; Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo; các thành viên Ban Chỉ đạo, đại diện lãnh đạo các bộ, ngành, đại học, viện nghiên cứu, tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp, ngân hàng thương mại.

Tại các trụ sở Tỉnh ủy, Thành ủy các tỉnh, thành phố, có các đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy chủ trì; các đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố; lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, thành viên Ban Chỉ đạo cấp tỉnh và lãnh đạo các sở, ban, ngành liên quan tham dự Phiên họp.

Sau khi nghe báo cáo của Bộ Công an - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo của Chính phủ và ý kiến phát biểu của các đại biểu dự họp, Ban Chỉ đạo của Chính phủ thống nhất kết luận như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SAU PHIÊN HỌP LẦN THỨ BA

1. Các bộ, ngành, địa phương đã tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Kết luận Phiên họp lần thứ ba năm 2026¹; bước đầu tạo chuyển biến rõ hơn về nhận thức, trách nhiệm và tổ chức thực hiện trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06. Các bộ, ngành, địa phương đã bước đầu rà soát, cụ thể hóa nhiệm vụ, xác định danh mục sản phẩm, nhiệm vụ trọng tâm, đột phá gắn với yêu cầu thúc đẩy tăng trưởng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và phục vụ người dân, doanh nghiệp; một số địa phương đã chủ động đề xuất các sản phẩm khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo có khả năng tạo động lực mới cho phát triển kinh tế - xã hội. Có 4/12 cơ sở dữ liệu trọng yếu đáp ứng đầy đủ 19/19 tiêu chí. Về kinh phí, thực hiện chủ trương ưu tiên bố trí 3% tổng chi ngân sách nhà nước, Quốc hội phê duyệt chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số khoảng 95 nghìn tỷ đồng, trong đó ngân sách trung ương 70 nghìn tỷ đồng, ngân sách địa phương 25 nghìn tỷ đồng.

¹ Thông báo số 246/TB-VPCP ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Văn phòng Chính phủ.

2. Bên cạnh kết quả đạt được, việc triển khai thực hiện nhiệm vụ còn những tồn tại, hạn chế. Một số bộ, cơ quan, địa phương giao việc còn chung chung, chưa rõ sản phẩm cuối cùng, mức độ đóng góp cho tăng trưởng hai con số, cho quản lý nhà nước của bộ, ngành và cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, liên vùng, và mốc thời gian hoàn thành. Công tác phối hợp liên ngành, giữa các bộ, ngành, địa phương còn bị động, nặng tính thủ tục hành chính; kỷ cương, kỷ luật, chế độ thông tin, báo cáo chưa nghiêm; còn tình trạng sợ trách nhiệm, đùn đẩy, né tránh việc khó. Hạ tầng số, hạ tầng nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thiết bị còn chưa hiện đại, phân tán, chưa hiệu quả; chưa hình thành được hạ tầng nghiên cứu quy mô lớn phục vụ phát triển công nghệ chiến lược; còn thiếu kiến trúc tổng thể để định hướng triển khai các nhiệm vụ lớn, quan trọng. Việc xây dựng, khai thác, quản trị, kết nối, chia sẻ các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành còn ách tắc ở nhiều khâu; dữ liệu chưa được thu thập, làm sạch, chuẩn hóa, đối soát, thay thế thành phần hồ sơ và chia sẻ thống nhất, đồng bộ nên chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu quản lý và phát triển. Công tác phân bổ, sử dụng nguồn lực tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn phân tán, thiếu tập trung cho các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá; cơ cấu chi cho đầu tư phát triển còn thấp, chi cho chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo ở một số nơi vẫn chủ yếu là chi thường xuyên cho các nhiệm vụ khoa học, công nghệ. Tỷ lệ giải ngân kinh phí khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn thấp²...

3. Những tồn tại, hạn chế nêu trên có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, nhưng nguyên nhân chủ quan là chủ yếu. Trong đó, một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn tình trạng “nóng trên, lạnh dưới”, người đứng đầu chưa trực tiếp chỉ đạo toàn diện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực, địa phương mình; cách thức, phương pháp và vai trò phối hợp của các bộ, ngành với nhau và với địa phương chưa cụ thể, chưa chặt chẽ, còn lúng túng trong quá trình triển khai. Việc bố trí nguồn lực còn dàn trải, thiếu tầm nhìn chiến lược để tập trung cho các nhiệm vụ cốt lõi, nền tảng; chưa có cơ chế thực sự khả thi, rõ ràng để mời, lựa chọn và phối hợp với doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học tham gia ngay từ khâu đầu của nhiệm vụ, bài toán, sản phẩm chiến lược.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

1. Việc triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt được những kết quả bước đầu quan trọng. Nhận thức và hành động của các bộ, ngành, địa phương có chuyển biến tích cực; thể chế, cơ chế, chính sách được tập trung hoàn thiện; định hướng phát triển công nghệ chiến lược, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát, hợp tác công - tư và mô hình liên kết “3 Nhà” từng bước được hình thành. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành danh mục 10 nhóm công nghệ chiến lược và 30 sản phẩm công nghệ chiến lược, giao 10 bộ, ngành, cơ quan triển khai nhiệm vụ theo 20 bài toán lớn. Đến nay, 29/34 địa phương báo cáo đang nghiên cứu, phát triển, sản xuất 124 sản phẩm khoa học, công nghệ và

² Dự toán năm 2026 đã giao 82,75 nghìn tỷ đồng, đã phân bổ 71 nghìn tỷ đồng, giải ngân 8,7 nghìn tỷ đồng, đạt 21% số đã phân bổ và 16% số dự toán được giao.

đổi mới sáng tạo, trong đó có 33 sản phẩm được định hướng thuộc nhóm công nghệ chiến lược, chiếm 26,6%.

2. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện còn những hạn chế, bất cập, điểm nghẽn cần tập trung xử lý. Trong đó, kết quả thực hiện chưa tạo được đột phá thực chất; mức độ hoàn thiện danh mục sản phẩm còn thấp³. Vai trò “tư lệnh ngành” của nhiều bộ, cơ quan chưa rõ; các bộ, cơ quan chưa làm rõ sản phẩm đặc thù của ngành, lĩnh vực; các địa phương chưa xác định rõ sản phẩm theo tiềm năng, lợi thế và nhu cầu thực tiễn. Mô hình hợp tác “3 Nhà” chưa đi vào chiều sâu; cơ chế đề viện, trường, doanh nghiệp tham gia ngay từ đầu chưa rõ ràng, thiếu cụ thể; chưa xác định rõ doanh nghiệp nào tham gia khâu nào, lĩnh vực nào và tiêu chí lựa chọn. Hạ tầng nghiên cứu, nhân lực chất lượng cao và năng lực tự chủ công nghệ còn là điểm nghẽn; nguồn nhân lực chất lượng cao cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn hạn hẹp, cơ chế thu hút còn bất cập...

III. QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THÁNG 6, TRONG QUÝ III VÀ ĐẾN CUỐI NĂM 2026

1. Quan điểm chỉ đạo:

(1) Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phải trực tiếp phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, là động lực thúc đẩy tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và năng lực tự chủ quốc gia; không làm theo phong trào, không chạy theo số lượng nhiệm vụ. Tiếp tục thực hiện nghiêm túc, quyết liệt tinh thần chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương; gắn triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW với đổi mới mô hình phát triển của đất nước trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

(2) Chuyển mạnh sang tư duy “tạo thị trường, tạo sản phẩm, tạo giá trị”; lấy sản phẩm đầu ra, hiệu quả ứng dụng, khả năng thương mại hóa, mức độ đóng góp vào tăng trưởng kinh tế và hiệu quả phục vụ công tác quản lý nhà nước làm thước đo chủ yếu; đồng thời lượng hóa được đóng góp đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, liên vùng, bảo đảm quốc phòng, an ninh và thực hiện các nhiệm vụ phát triển đất nước.

(3) Phân tầng, phân vai rõ ràng: cấp quốc gia tập trung công nghệ chiến lược và bài toán lớn; cấp vùng, chuyên ngành hình thành chuỗi giá trị liên vùng; cấp địa phương tập trung sản phẩm đặc trưng, có khả năng tạo giá trị ngay. Bộ, ngành làm đúng vai “tư lệnh”; địa phương chuyển từ đăng ký sang tổ chức triển khai, ứng dụng và thương mại hóa sản phẩm.

(4) Nhà nước đặt hàng, kiến tạo thể chế, xây dựng tiêu chuẩn, tạo môi trường thử nghiệm và chia sẻ rủi ro có kiểm soát nhưng không làm thay doanh nghiệp; nhà trường cung cấp tri thức, công nghệ; doanh nghiệp tổ chức sản xuất, thương mại hóa và phát triển thị trường; Nhà nước tham gia tạo thị trường ban đầu, mua

³ Đến nay, mới có 73/124 sản phẩm xác định chủ thể thực hiện, 104/124 sản phẩm xác định đối tượng thụ hưởng, 51/124 sản phẩm có thông tin về giá trị, lợi nhuận hoặc đóng góp thực tiễn, 39/124 sản phẩm có thông tin về nguồn kinh phí.

sản phẩm đầu tiên để phục vụ công tác quản lý nhà nước của bộ, ngành, cơ quan chức năng khi đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

(5) Tập trung nguồn lực cho một số bài toán lớn, công nghệ lõi, sản phẩm chiến lược có khả năng dẫn dắt; gắn nhiệm vụ quốc gia với thế mạnh vùng, địa phương và chuỗi giá trị toàn cầu; kiên quyết khắc phục đầu tư dàn trải, trùng lặp, kém hiệu quả.

(6) Người đứng đầu bộ, ngành, địa phương trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng, hiệu quả; kết quả thực hiện phải được lượng hóa và sử dụng trong đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ; Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đánh giá trực tiếp trách nhiệm Bộ trưởng, Trưởng ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW thuộc ngành, lĩnh vực, địa phương mình.

2. Định hướng thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo:

(1) Lựa chọn đúng bài toán: bộ, cơ quan xác định bài toán lớn, có tính dẫn dắt; địa phương lựa chọn sản phẩm từ nhu cầu thực tiễn, lợi thế so sánh và khả năng tạo giá trị; không đăng ký tràn lan, vượt quá năng lực.

(2) Tổ chức thực hiện theo chuỗi giá trị: bộ quản lý ngành định hướng công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn và thị trường; tổ chức thực hiện không để rời rạc, trùng lặp hoặc không có đầu ra.

(3) Doanh nghiệp là trung tâm: doanh nghiệp tham gia từ khâu xác định bài toán, lựa chọn công nghệ, đầu tư, thử nghiệm và phát triển thị trường; viện, trường gắn nghiên cứu với nhu cầu đặt hàng; Nhà nước kiến tạo thể chế, tiêu chuẩn, môi trường thử nghiệm và thị trường ban đầu phù hợp.

(4) Cơ chế tài chính thông thoáng: tập trung khắc phục các vướng mắc về đặt hàng, khoán chi, mua sắm sản phẩm đầu tiên, định giá tài sản trí tuệ và chấp nhận rủi ro có kiểm soát; nghiên cứu cơ chế giao trực tiếp trách nhiệm, thẩm quyền quyết định nhiệm vụ, cơ chế đặt hàng và sử dụng ngân sách được phân bổ cho Bộ trưởng, Trưởng ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố theo cơ chế hậu kiểm, gắn với trách nhiệm cá nhân và kết quả đầu ra.

(5) Tập trung nguồn lực: ưu tiên công nghệ lõi, sản phẩm có khả năng thương mại hóa và bài toán có tác động lan tỏa; phát huy hiệu quả phòng thí nghiệm, hạ tầng nghiên cứu và đội ngũ chuyên gia; khắc phục đầu tư dàn trải, thiết bị không được khai thác và nhiệm vụ không có chủ thể tiếp nhận.

3. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm:

(1) Về xử lý nhiệm vụ chậm, muộn:

- Yêu cầu các bộ, cơ quan, địa phương rà soát toàn bộ nhiệm vụ được giao, nhất là xử lý dứt điểm 05 nhiệm vụ chậm, muộn kéo dài (*Phụ lục 1 gửi kèm theo*); không đề xuất lùi thời hạn khi chưa làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm, giải pháp; hoàn thành trước ngày 30 tháng 6 năm 2026; trường hợp đặc biệt có nguyên nhân, lý do cụ thể thì phải báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách xem xét, quyết định.

- Bộ Công an theo dõi sát tiến độ; định kỳ hằng tháng báo cáo Thủ tướng Chính phủ danh sách nhiệm vụ chậm, nguyên nhân, trách nhiệm người đứng đầu; kịp thời đề xuất xử lý đối với nhiệm vụ chậm, muộn kéo dài.

(2) Về Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, xây dựng cơ sở dữ liệu và chuyển đổi số:

- Bộ Khoa học và Công nghệ khẩn trương phối hợp với Bộ Công an rà soát, hoàn thiện Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, bảo đảm tổng thể, đồng bộ, gắn kết chặt chẽ, thống nhất với Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Đề án phát triển cơ sở dữ liệu quốc gia; tiếp thu đầy đủ các ý kiến phù hợp của các bộ, ngành, địa phương, chuyên gia, doanh nghiệp, trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày 10 tháng 7 năm 2026.

- Các bộ, cơ quan chủ quản hoàn thành kết nối, đồng bộ các cơ sở dữ liệu theo Nghị quyết số 11/NQ-CP về Trung tâm dữ liệu quốc gia; đối với 08 cơ sở dữ liệu trọng yếu chưa đáp ứng đầy đủ 19/19 tiêu chí, từng bộ chủ quản phải có kế hoạch, lộ trình, mốc hoàn thành cụ thể trong Quý III năm 2026 (*Phụ lục 2 gửi kèm theo*); đối với các cơ sở dữ liệu trọng yếu đã đạt, tiếp tục duy trì, cập nhật, kết nối, khai thác hiệu quả⁴.

- Bộ Công an: (1) chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Chính phủ thành lập Đoàn công tác liên ngành để giám sát, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; hằng tháng báo cáo, đề xuất cụ thể với Thủ tướng Chính phủ; (2) chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan bảo đảm vận hành thông suốt Cổng Dịch vụ công quốc gia, kết nối đồng bộ, thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

- Bộ Ngoại giao, Bộ Dân tộc và Tôn giáo khẩn trương tái cấu trúc các thủ tục hành chính theo Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP, hoàn thành trong tháng 7 năm 2026.

- Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và các cơ quan liên quan tích hợp thu phí bảo trì đường bộ lên ứng dụng VNeID, hoàn thành trong tháng 10 năm 2026.

- Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an và các cơ quan liên quan rà soát, đề xuất bộ tiêu chuẩn dữ liệu logistics quốc gia, gồm yêu cầu về lưu trữ, kết nối, chia sẻ, bảo mật, khai thác dữ liệu và mô hình triển khai cảng thông minh, logistics số tại địa phương; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong năm 2026.

(3) Về sản phẩm khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo:

- Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì thẩm định các nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược do các bộ, cơ quan, địa phương đề xuất; làm rõ phương án dự kiến bố trí kinh phí để triển khai ngay sau khi phê duyệt, hoàn thành trong tháng 6 năm 2026.

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố: (1) rà soát các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trọng tâm, có sản phẩm gắn với nhu cầu thực tiễn, tiềm năng, lợi thế của địa phương; phân loại thành các nhóm: đã hoàn thành, có khả năng thương mại hóa; đang thử nghiệm; mới nghiên cứu cần tiếp tục hoàn thiện; không còn phù hợp hoặc không có khả năng triển khai. Gửi Bộ Khoa học và Công nghệ trước ngày 15 tháng 7 năm 2026; Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 7 năm 2026; (2) năm 2026 lựa chọn ít nhất 01

⁴ Bộ Tư pháp: CSDL Hộ tịch điện tử; Bộ Tài chính: CSDL quốc gia về tài chính; Bộ Nông nghiệp và Môi trường: CSDL quốc gia về đất đai.

sản phẩm có thể lượng hóa bằng giá trị; từ năm 2027, hằng năm lựa chọn, triển khai từ 02 đến 03 sản phẩm trọng tâm; mỗi sản phẩm phải bảo đảm 6 rõ: rõ đầu mối chịu trách nhiệm đến cùng, rõ doanh nghiệp tham gia, rõ địa chỉ ứng dụng, rõ nguồn lực, rõ thời hạn, rõ chỉ tiêu đóng góp phát triển kinh tế - xã hội cụ thể.

(4) Về phòng thí nghiệm, hạ tầng nghiên cứu:

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, các bộ, cơ quan khẩn trương hoàn thiện Đề án phát triển hệ thống trung tâm nghiên cứu, trung tâm thử nghiệm và phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, tập trung cho công nghệ chiến lược; các bộ, ngành, địa phương khi đề xuất đầu tư, nâng cấp phòng thí nghiệm trọng điểm phải làm rõ sản phẩm công nghệ chiến lược phục vụ, nhiệm vụ cụ thể, cơ quan chủ quản, đơn vị vận hành, nguồn lực, cơ chế khai thác dùng chung và chỉ tiêu hiệu quả; không đề xuất cấp vốn chung chung, không gán sản phẩm đầu ra. Báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 30 tháng 6 năm 2026.

(5) Về cơ chế, chính sách tài chính:

- Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan: (1) rà soát, tổng hợp việc phân bổ, giải ngân kinh phí khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số năm 2026, nhất là số kinh phí chưa phân bổ chi tiết và kinh phí triển khai ở cấp xã; (2) hướng dẫn các bộ, cơ quan, địa phương lập kế hoạch và dự toán năm 2027 cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số theo hướng tách bạch nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo với nhiệm vụ chuyển đổi số; (3) các bộ, ngành khẩn trương đăng ký nhu cầu bổ sung ngân sách tập trung cho nền tảng số dùng chung, cơ sở dữ liệu dùng chung quốc gia, nghiên cứu phát triển công nghệ chiến lược, phòng thí nghiệm trọng điểm, lưu ý nhiệm vụ có sản phẩm đầu ra, khả năng giải ngân, hiệu quả rõ ràng. Các nhiệm vụ nêu trên hoàn thành trong tháng 7 năm 2026.

- Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, Bộ Tài chính trực tiếp phối hợp khẩn trương nghiên cứu, đề xuất cơ chế đột phá về giao kinh phí, giao thẩm quyền cho các bộ, ngành, địa phương, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6.

(6) Về hợp tác “3 Nhà”, phát huy vai trò của doanh nghiệp:

- Trong năm 2026, Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính và các bộ, ngành, địa phương xây dựng mô hình hợp tác thực chất theo từng sản phẩm; khuyến khích doanh nghiệp tham gia ngay từ khâu đặt bài toán và cam kết đầu tư, tiếp nhận, sản xuất, thương mại hóa sản phẩm; viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học chịu trách nhiệm về giải pháp công nghệ; cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm về thể chế, đầu tư, hỗ trợ, tiêu chuẩn, thử nghiệm có kiểm soát và tạo thị trường mua sắm công phù hợp; doanh nghiệp chủ động đề xuất Ban Chỉ đạo của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương về nội dung tham gia, nhu cầu hỗ trợ và kiến nghị cơ chế để phối hợp triển khai ngay từ đầu.

- Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan rà soát, đề xuất cơ chế đặt hàng, ưu tiên sử dụng sản phẩm công nghiệp an ninh do trong nước sản xuất, làm chủ công nghệ, đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 7 năm 2026.

(7) Về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo rà soát tổng thể các chương trình đào tạo nhân lực chất lượng cao gắn với nhu cầu doanh nghiệp trong khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, nhất là nhân lực phục vụ phát triển công nghệ chiến lược, hoàn thành trong tháng 7 năm 2026.

- Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ rà soát kết quả thực thi cơ chế thu hút, trọng dụng, đãi ngộ chuyên gia, tổng công trình sư, kiến trúc sư trưởng; nghiên cứu cơ chế thuê chuyên gia theo nhiệm vụ, trả lương theo sản phẩm và kết quả; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý IV năm 2026.

(8) Về hợp tác quốc tế:

- Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an và các bộ, cơ quan: (1) rà soát, lập danh mục các thỏa thuận, cam kết hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã ký kết nhân dịp các hoạt động đối ngoại của lãnh đạo chủ chốt giai đoạn 2025-2026, hoàn thành trước ngày 15 tháng 7 năm 2026; (2) nghiên cứu việc xây dựng cơ sở dữ liệu, mạng lưới chuyên gia quốc tế, trí thức Việt Nam ở nước ngoài, nhà khoa học nước ngoài trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 8 năm 2026.

- Các bộ, cơ quan rà soát, nghiên cứu xây dựng kế hoạch chuyển các thỏa thuận, cam kết hợp tác quốc tế thuộc phạm vi quản lý thành nhiệm vụ, chương trình, dự án cụ thể trong nước, nhất là trong các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, lượng tử, 5G/6G, dữ liệu, chuyển đổi số, công nghệ xanh, năng lượng sạch, công nghệ sinh học, hoàn thành trong tháng 7 năm 2026.

4. Chuẩn bị tổ chức các Hội nghị chuyên đề của Ban Chỉ đạo:

- Trong Quý III năm 2026, tổ chức các Hội nghị chuyên đề của Ban Chỉ đạo của Chính phủ: (1) Hội nghị thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số và công nghiệp công nghệ số gắn với tăng trưởng kinh tế hai con số; (2) Hội nghị về số hóa các ngành kinh tế quan trọng của đất nước gắn với tăng trưởng kinh tế hai con số, nhất là công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng, xây dựng, đô thị thông minh, logistics, du lịch. Phân công các Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách ngành, lĩnh vực chủ trì.

- Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Ban Chỉ đạo của Chính phủ về việc tổ chức các hội nghị chuyên đề và chủ động kiến nghị tổ chức các đoàn làm việc với các bộ, ngành, địa phương khi cần thiết.

5. Tổ chức thực hiện:

(1) Các Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách ngành, lĩnh vực trực tiếp chỉ đạo các nhóm nhiệm vụ liên quan đến triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW trong ngành, lĩnh vực được phân công; làm việc với các bộ, địa phương để xác định các sản phẩm có thể triển khai ngay trong năm 2026, hoàn thành trong tháng 7 năm 2026.

(2) Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chính phủ chuẩn bị các báo cáo, tài liệu phục vụ cuộc họp Ban Chỉ đạo Trung ương sơ kết 01 năm 06 tháng triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW.

(3) Các bộ, ngành, địa phương tập trung triển khai quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp; chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc theo thẩm quyền; kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền đối với vấn đề vượt thẩm quyền. Các bộ, ngành, địa phương khi giao ban hằng tháng phải đánh giá tình hình, tiến độ triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW trong ngành, lĩnh vực, địa phương mình.

Văn phòng Chính phủ trân trọng thông báo để các bộ, cơ quan, địa phương biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển KHCN, ĐMST, CDS (để b/c);
- TTgCP, các PTTgCP (để b/c);
- Các đồng chí Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ;
- Đồng chí Bí thư, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Thành viên Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển KHCN, ĐMST, CDS và Đề án 06;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ: KGVX, PL, CN, NN, KTTH, TCCV, NC, TGD Công TTĐTCTP;
- Lưu: VT, CDS (2). 50

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM



Đặng Xuân Phong



Phụ lục 1
DANH MỤC NHIỆM VỤ QUÁ HẠN KÈO DÀI
(Kèm theo Thông báo số 329 /TB-VPCP ngày 24 tháng 6 năm 2026
của Văn phòng Chính phủ)

STT	Tên nhiệm vụ	Văn bản giao	Thời hạn	Cơ quan
1	Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tại văn bản số 1552/BTTTT-TTH và 708/BTTTT-CATT; hoàn thành kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ.	Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025	31/5/2025	Bộ Y tế
2	Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chỉ đạo Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia (NIC) rà soát, hoàn chỉnh Dự án Đầu tư Khu lưu trú cho chuyên gia tại Khu Công nghệ cao Hoà Lạc, bảo đảm khởi công dự án trong Quý III năm 2025 theo nhiệm vụ được giao tại Thông báo kết luận số 30-TB/TGV, ngày 13/6/2025.	Thông báo số 42-TB/TGV ngày 22/8/2025	30/09/2025	Bộ Tài chính
3	Các hãng hàng không chủ trì, phối hợp với Bộ Công an trong việc triển khai giải pháp quản lý đặt vé và làm thủ tục trực tuyến của các hãng hàng không trên Nền tảng giao thông tập trung trên cơ sở tích hợp nền tảng định danh và xác thực điện tử VNeID của Bộ Công an.	Thông báo số 35-TB/TGV ngày 11/7/2025	31/12/2025	Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam (ACV) và các hãng hàng không
4	Các hãng hàng không chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam (ACV) có cơ chế cụ thể, hiệu quả để khuyến khích người dân thực hiện thủ tục toàn trình (mua vé, làm thủ tục, kiểm tra an ninh, lên tàu bay) thông qua giải pháp định danh, xác thực điện tử và nhận diện sinh trắc học khi lên tàu bay.	Thông báo số 35-TB/TGV ngày 11/7/2025	31/12/2025	
5	Khẩn trương đầu tư thiết bị, hạ tầng, bố trí tại các Cảng hàng không bảo đảm lộ trình theo Kế hoạch phối hợp số 380/KHPH-BCA-BXD-BTC giữa 03 bộ: Công an, Tài chính, Xây dựng ngày 24/6/2025 về việc triển khai giải pháp ứng dụng định danh, xác thực điện tử và nhận diện sinh trắc học phục vụ làm thủ tục lên tàu bay.	Thông báo số 35-TB/TGV ngày 11/7/2025	31/12/2025	



Phụ lục 2

**DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU CHƯA ĐẠT ĐẦY ĐỦ TIÊU CHÍ;
CHƯA KẾT NỐI, CHIA SẺ DỮ LIỆU VỚI TRUNG TÂM DỮ LIỆU QUỐC GIA**
(Kèm theo Thông báo số 329 /TB-VPCP ngày 24 tháng 6 năm 2026
của Văn phòng Chính phủ)

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành trọng tâm theo Nghị quyết số 214/NQ-CP chưa đạt đầy đủ tiêu chí

STT	Bộ, cơ quan chủ quản	Tên CSDL	Số tiêu chí đạt/tổng số tiêu chí
1	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	CSDL ngành Nông nghiệp	16/19
2	Bộ Giáo dục và Đào tạo	CSDL ngành Giáo dục và đào tạo	17/19
3	Bộ Công Thương	CSDL hàng hóa	18/19
4	Thanh tra Chính phủ	CSDL quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập	12/19
5	Bộ Y tế	CSDL ngành Y tế	13/19
6	Bộ Công an	CSDL Xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân	4/19
7	Bộ Nội vụ	CSDL quốc gia về an sinh xã hội	11/19
8	Bộ Xây dựng	CSDL quốc gia về hoạt động xây dựng	17/19

2. Cơ sở dữ liệu chưa kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm Dữ liệu quốc gia

STT	Bộ chủ quản	Tên CSDL	Số tiêu chí đạt/tổng số tiêu chí
1	Bộ Công an	CSDL quốc gia về xử lý vi phạm hành chính	6/19
2		CSDL Định danh địa điểm	1/19

3	Bộ Nội vụ	CSDL về chính quyền địa phương và địa giới hành chính	13/19
4		CSDL về hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ	13/19
5		CSDL Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	13/19
6		CSDL Giải quyết hưởng bảo hiểm thất nghiệp	13/19
7		CSDL ADN của liệt sĩ và thân nhân	8/19
8		CSDL Người hưởng chính sách ưu đãi người có công	13/19
9		CSDL Tai nạn lao động	5/19
10		CSDL Người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	7/19
11		CSDL Người lao động	6/19
12	Bộ Giáo dục và Đào tạo	CSDL Cơ sở giáo dục nghề nghiệp	5/19
13	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	CSDL về tôn giáo	12/19
14		Cơ sở dữ liệu về dân tộc	1/19
15	Bộ Tài chính	Cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư nước ngoài và đầu tư ra nước ngoài	7/19
16		Cơ sở dữ liệu quốc gia về khu công nghiệp, khu kinh tế	0/19
17		Cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	2/19
18	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	CSDL Cơ quan báo chí	4/19
19		CSDL Hiện vật	16/19
20		CSDL Di sản văn hóa phi vật thể	16/19
21		CSDL Đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan	14/19

22		CSDL Phòng, chống bạo lực gia đình	2/19
23		CSDL Sản phẩm quảng cáo	2/19
24		CSDL Thành tích thể thao	0/19
25	Bộ Y tế	Hệ thống thông tin lĩnh vực sức khỏe bà mẹ, trẻ em, sức khỏe sinh sản	14/19
26		CSDL Quản lý trẻ em	14/19
27		CSDL Môi trường cơ sở y tế	13/19
28		CSDL Lĩnh vực dự phòng, HIV, AIDS	14/19
29		CSDL Người khuyết tật	14/19
30		CSDL về khám, chữa bệnh	14/19
31		CSDL Cơ sở trợ giúp xã hội	14/19
32		CSDL về an toàn thực phẩm	12/19
33		Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia	13/19
34		CSDL Người làm công tác xã hội	14/19
35		CSDL Đối tượng trợ giúp xã hội	14/19
36		CSDL về nhân lực y tế	17/19
37	Bộ Ngoại giao	CSDL về di cư	10/19